

**THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC
về Đề án xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị
trong sạch, vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển
của đất nước trong thời kỳ mới**

Ngày 27/8/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã làm việc với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan về Đề án xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo và ý kiến của các đại biểu, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước kết luận:

1. Thống nhất nhận thức về vị trí, mục tiêu và yêu cầu của Đề án

Cơ bản thống nhất với nội dung Đề án và dự thảo Nghị quyết do Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị. Đề án được nghiên cứu công phu, nghiêm túc, có hệ thống; bước đầu đánh giá tương đối khách quan, khái quát những kết quả đạt được; nhận diện đúng những hạn chế, khuyết điểm kéo dài, những bất cập trong tổ chức thực hiện và những vấn đề mới đặt ra từ thực tiễn, nhất là nguyên nhân chủ quan và trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và người đứng đầu; bám sát thực tiễn và các quan điểm, chủ trương, định hướng lớn của Đại hội XIV; kế thừa đầy đủ những quan điểm, nguyên tắc và giá trị đã được thực tiễn kiểm nghiệm, còn nguyên ý nghĩa của Nghị quyết Trung ương 4 các khoá XI, XII và Kết luận Trung ương 4 khoá XIII; đồng thời, có bước phát triển mới về tư duy, nội dung, phương thức và cơ chế xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết cần được tiếp tục hoàn thiện bảo đảm đúng tầm của Nghị quyết Trung ương, theo hướng ngắn gọn, rõ tư tưởng, rõ trọng tâm; đồng thời, xác định vị trí, vai trò nền tảng của công tác xây dựng,

chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong tổng thể các Nghị quyết trình Hội nghị Trung ương 4 khoá XIV. Nghị quyết phải xác định và củng cố những điều kiện căn bản, có tính gốc rễ, bảo đảm bản chất, sức mạnh, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; tập trung giải quyết những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực tự đổi mới, tự chỉnh đốn, khả năng tự kiểm soát của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi các đường lối, chủ trương trong giai đoạn mới, cần tiếp tục hoàn thiện các nội dung thực sự liên kết thành một chỉnh thể thống nhất, trong đó mỗi đột phá, mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp đều trực tiếp giải quyết những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ vững bản chất cách mạng.

Quá trình tổng kết không chỉ trong phạm vi 15 năm thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương 4, mà còn đã đặt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tiến trình phát triển qua các thời kỳ. Qua đó, làm rõ những nội dung đã hoàn thành, những nội dung còn nguyên giá trị cần tiếp tục thực hiện; những vấn đề đã được đặt ra nhưng chưa giải quyết căn bản, cần tiếp tục làm đến cùng; những nội dung cần phát triển, nâng tầm và bổ sung mới, bảo đảm tính kế thừa và liên tục nhưng không trùng lặp, tạo cơ sở để Nghị quyết mới có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Dự thảo đã thể hiện khá rõ bước phát triển trong tư duy xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Từ trọng tâm chủ yếu là ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý suy thoái, vi phạm sang đồng thời xây dựng năng lực tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự hoàn thiện thường xuyên, liên tục từ bên trong; từ tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém sang chủ động xây dựng nền tảng để Đảng không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Chất lượng xây dựng Đảng được đặt trong mối quan hệ trực tiếp với năng lực lãnh đạo, cầm quyền, chất lượng chủ trương, quyết sách, hiệu quả tổ chức thực hiện và kết quả phát triển đất nước. Các quan điểm, mục tiêu, 4 đột phá và 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cơ bản được lựa chọn đúng hướng, có trọng tâm, bảo đảm tính kế thừa và phát triển.

2. Xác định thật rõ giá trị mới, phạm vi và mối quan hệ của Nghị quyết với các văn kiện hiện hành

Việc ban hành Nghị quyết mới tạo bước phát triển mới về năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu và khả năng tự đổi mới, tự

chỉnh đốn, tự hoàn thiện của Đảng. Cần xác định rõ: Nghị quyết mới sẽ giải quyết vấn đề gì mà các văn kiện hiện hành chưa giải quyết đầy đủ, cơ chế nào tạo được chuyển biến; kết quả nào có thể kiểm chứng trong thực tiễn.

Cần phân định rõ 4 vấn đề: (1) Những nội dung đã hoàn thành vai trò lịch sử, không còn phù hợp với điều kiện mới hoặc đã được văn kiện khác quy định đầy đủ thì không nêu lại. (2) Nội dung quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ của Kết luận số 21 còn nguyên giá trị thì tiếp tục thực hiện nghiêm túc, không đặt vấn đề thay đổi chỉ để tạo sự khác biệt về hình thức. (3) Những vấn đề đã nhận diện nhưng chưa được giải quyết căn bản, nhất là các điểm nghẽn ở khâu tổ chức thực hiện, thì phải tiếp tục làm đến cùng bằng việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phân định rõ trách nhiệm, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện; không lấy việc sửa nghị quyết thay cho việc khắc phục yếu kém. (4) Chỉ những vấn đề mới phát sinh do thực tiễn đặt ra hoặc những hạn chế mà cơ chế, chính sách hiện hành chưa đủ khả năng giải quyết thì mới nghiên cứu bổ sung, phát triển các quan điểm, chủ trương và cơ chế mới ở tầm Trung ương để đưa vào Nghị quyết.

Giá trị mới, cốt lõi và yêu cầu nâng tầm của Nghị quyết cần thể hiện qua 5 bước phát triển: (1) Chuyển từ tổng kết sang hình thành năng lực tự đánh giá, tự chỉnh đốn, tự hoàn thiện và tự đổi mới thường xuyên, liên tục. (2) Chuyển mạnh từ chủ yếu xử lý sau khi có vi phạm sang phòng ngừa từ gốc, cảnh báo sớm và tự sửa chữa từ bên trong. (3) Gắn chất lượng xây dựng, chỉnh đốn Đảng với chất lượng chủ trương, quyết sách, hiệu quả tổ chức thực hiện và kết quả phát triển. (4) Đặt cán bộ, nhất là người đứng đầu, trong trách nhiệm trực tiếp xây dựng tổ chức, đội ngũ cán bộ và nguồn kế cận. (5) Cụ thể hoá sâu sắc quan điểm "Đảng ta là đạo đức, là văn minh", thực chất hoá tư tưởng "Dân là gốc", lấy lợi ích, sự thụ hưởng và niềm tin của Nhân dân làm một trong những tiêu chuẩn quan trọng để kiểm chứng chất lượng lãnh đạo và hiệu quả xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Về phạm vi của Nghị quyết, cần giới hạn chặt chẽ, đúng vai trò của một văn kiện nền tảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; tập trung vào những quan điểm, định hướng chiến lược, nguyên tắc và cơ chế lớn. Không lặp lại hoặc đi sâu vào các nội dung chuyên ngành về công tác cán bộ, phương thức lãnh đạo, kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tổ chức bộ máy đã được các nghị quyết, quy định, kết luận và văn bản chuyên ngành khác quy định đầy đủ. Đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ với Đề án tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW,

Đề án sơ kết Nghị quyết số 28-NQ/TW và các dự thảo nghị quyết, đề án trình Hội nghị Trung ương 4 khoá XIV. Mỗi Nghị quyết phải rõ phạm vi, đối tượng, mục tiêu và những vấn đề trọng tâm riêng, hướng tới một mục tiêu chung là nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu, khả năng tự đổi mới, tự chỉnh đốn của Đảng; tránh tình trạng ban hành nhiều văn kiện cùng đề cập đến một vấn đề nhưng khác nhau về cách tiếp cận, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Về 5 quan điểm trong dự thảo, cần tiếp tục cô đọng, nâng tầm, tập trung thể hiện rõ các mối quan hệ lớn có tính định hướng xuyên suốt Nghị quyết, nhất là giữa kiên định và đổi mới; "xây" và "chống"; xây dựng, chỉnh đốn Đảng với nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và năng lực kiến tạo phát triển; kiểm soát quyền lực với phân cấp, phân quyền và khuyến khích đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; sự lãnh đạo của Đảng với việc dựa phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ thể và sự giám sát của Nhân dân. Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cần tập trung vào những chuyển biến thực chất, có thể nhận biết và kiểm chứng, nhất là về năng lực tự đánh giá, tự sửa chữa, chất lượng của chủ trương, quyết sách, hiệu quả vận hành của hệ thống chính trị; chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu; mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, mức độ hài lòng, đồng thuận và niềm tin của Nhân dân. Mỗi chỉ tiêu đưa vào Nghị quyết thực sự cần thiết, phải xác định rõ số liệu cơ bản, đối tượng và phạm vi đo lường, phương pháp tính, nguồn dữ liệu và chủ thể có thẩm quyền kiểm chứng; bảo đảm khách quan, khả thi và có thể theo dõi trong quá trình thực hiện.

3. Tổ chức lại các đột phá theo trọng tâm, đánh trúng khâu yếu, tạo chuyển biến có thể kiểm chứng

Về 4 đột phá (sẽ nêu ở mục 4, trang 6), cần thiết, tuy nhiên cần tiếp tục rà soát, sắp xếp lại để tránh hình thành hệ thống các đột phá song song với 3 đột phá về công tác xây dựng Đảng đã được xác định trong văn kiện Đại hội XIV. Cần chuyển trọng tâm từ việc "đặt thêm đột phá" sang "thiết lập cơ chế cụ thể hoá thực hiện có hiệu quả các đột phá của Đại hội XIV"; trên cơ sở đó, tổ chức lại các nhóm nhiệm vụ, giải pháp các nhiệm vụ, giải pháp theo từng cơ chế, bảo đảm tập trung vào những khâu yếu, điểm nghẽn và tạo ra chuyển biến có thể kiểm chứng, bảo đảm các yêu cầu sau:

Thứ nhất, thiết lập cơ chế tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự hoàn thiện thường xuyên trong mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; cơ chế này

phải hình thành một quy trình khép kín từ nắm tình hình, nhận diện nguy cơ, phát hiện hạn chế, khuyết điểm; phân tích nguyên nhân, xác định trách nhiệm; quyết định biện pháp khắc phục; kiểm tra kết quả thực hiện và chủ động ngăn ngừa tái diễn. Không tạo thêm thủ tục hành chính hoặc một quy trình riêng mang tên "tự chỉnh đốn", mà phải tích hợp tự đổi mới, tự chỉnh đốn vào các sinh hoạt thường xuyên như sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ, kiểm điểm, đánh giá, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mỗi hạn chế, khuyết điểm được phát hiện phải xác định rõ trách nhiệm, biện pháp, thời hạn khắc phục; kết quả thực hiện phải được kiểm tra, đánh giá và có căn cứ xác nhận cụ thể.

Thứ hai, thiết lập cơ chế trách nhiệm đến cùng, gắn với năng lực tổ chức thực hiện và chất lượng cán bộ. Mỗi chủ trương, nhiệm vụ lớn phải xác định rõ vấn đề cần giải quyết, mục tiêu và kết quả cần đạt được, cơ quan và người chịu trách nhiệm chính, thẩm quyền, nguồn lực, thời hạn và phương thức kiểm tra, giám sát. Trách nhiệm phải được xác định xuyên suốt từ khâu đề xuất, thẩm định, quyết định đến tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát; không để tình trạng núp dưới trách nhiệm tập thể, đùn đẩy trách nhiệm hoặc viện lý do phối hợp để làm mờ đầu mối, phân tán trách nhiệm. Yêu cầu giải trình và xem xét trách nhiệm phù hợp đối với việc chậm quyết định, né tránh trách nhiệm, thiếu chủ động trong tổ chức thực hiện, không kiểm tra, giám sát, để công việc trì trệ hoặc làm mất thời cơ phát triển đều phải được.

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng thường xuyên, thực chất, đa chiều, lấy phẩm chất, uy tín, năng lực, sản phẩm, hiệu quả, trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm làm thước đo chủ yếu, đồng thời tăng cường sử dụng dữ liệu và các căn cứ có kiểm chứng. Người đứng đầu không chỉ chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân mình, mà còn phải chịu trách nhiệm về chất lượng hoạt động của tổ chức, chất lượng đội ngũ cán bộ, xây dựng nguồn kế cận, giữ gìn đoàn kết nội bộ và khả năng phát huy trí tuệ tập thể. Kết quả đánh giá cán bộ phải gắn với bố trí, sử dụng, trọng dụng, quy hoạch, sàng lọc và thay thế cán bộ. Đồng thời, phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong việc giao đủ thẩm quyền, điều kiện và nguồn lực thực hiện; có cơ chế bảo vệ người có động cơ trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới vì lợi ích chung. Bảo vệ cán bộ không có nghĩa là bao che; kiểm soát không được triệt tiêu đổi mới, sáng tạo.

Thứ ba, thiết lập cơ chế phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và bảo đảm điều kiện thực hiện. Phân cấp,

phân quyền phải thực chất, đưa thẩm quyền quyết định đến cấp sát việc, sát dân, sát thực tiễn; giao nhiệm vụ phải đồng thời chuyển giao đầy đủ thẩm quyền, nguồn lực, thông tin và dữ liệu cần thiết để tổ chức thực hiện. Cấp trên tập trung vào định hướng, xây dựng thể chế, tiêu chuẩn, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ; không làm thay cấp dưới nhưng cũng không buông lỏng quản lý. Kiểm soát quyền lực phải được thực hiện đồng bộ, bao quát cả hành vi lạm quyền, lợi dụng quyền lực, lợi ích nhóm, xung đột lợi ích và cũng như tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc không sử dụng đầy đủ quyền hạn được giao. Sau mỗi vụ việc hoặc vấn đề vi phạm phát sinh, không chỉ xem xét, xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan mà còn phải rà soát, sửa chữa, khắc phục kịp thời sơ hở, bất cập của cơ chế, chính sách, quy định và quy trình quản lý để phòng ngừa tái diễn. Trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc tinh gọn đầu mối phải làm cho quyết định nhanh hơn, trách nhiệm rõ hơn, phục vụ người dân, doanh nghiệp thuận lợi hơn.

Thứ tư, thiết lập cơ chế xây dựng văn hoá lãnh đạo, văn hoá cầm quyền dựa vào Nhân dân và tăng cường quản trị bằng dữ liệu. Quan điểm "Đảng ta là đạo đức, là văn minh" cần được cụ thể hoá thành chuẩn mực hành vi và tiêu chí đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu: Trong đó luôn đặt lợi ích của đất nước, của Nhân dân lên trên hết, trước hết; liêm chính, công tâm, khách quan, tôn trọng sự thật; nói đi đôi với làm; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và kiên quyết sửa chữa khuyết điểm. Đạo đức của người cán bộ, đảng viên không chỉ nuôi dưỡng bằng sự tự giác của mỗi cá nhân mà phải được hình thành, củng cố trong môi trường văn hoá của tổ chức, được bảo đảm bằng kỷ luật nghiêm minh và bảo vệ bằng kiểm soát quyền lực chặt chẽ.

Cần thiết lập các kênh thuận tiện, an toàn và hiệu quả để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân tham gia góp ý, phản ánh, giám sát; thông tin phải được tiếp nhận, phân loại và chuyển đúng cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, xử lý, phản hồi; đồng thời có cơ chế bảo vệ người phản ánh đúng. Những kiến nghị lặp lại, những vấn đề bức xúc kéo dài trong Nhân dân phải được coi là tín hiệu cảnh báo về chất lượng lãnh đạo, quản lý và trách nhiệm đối với cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu. Dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, kiểm tra, giám sát phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, cập nhật, liên thông, an toàn; công nghệ chỉ hỗ trợ phát hiện rủi ro, nhưng không thay thế trách nhiệm và quyết định của con người.

4. Năng lực tổ chức thực hiện phải là nội dung cấu thành của Nghị quyết và được kiểm chứng bằng kết quả

Về 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, cần rà soát, sắp xếp, bảo đảm logic, thống nhất, phục vụ trực tiếp vận hành và hoàn thiện các cơ chế trọng tâm nêu trên. Không đưa vào Nghị quyết những yêu cầu tuy đúng về chủ trương nhưng không xác định rõ chủ thể hoặc không có khả năng kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần xác định điểm nghẽn cần tập trung xử lý; vấn đề, hạn chế cần khắc phục; cơ chế, chính sách hoặc phương thức tổ chức cần đổi mới, kết quả cụ thể cần đạt được; cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm; cần phân định rõ nhiệm vụ thường xuyên với những nhiệm vụ tạo chuyển biến, đột phá trong từng giai đoạn, nhiệm kỳ.

Cần phân định rành mạch các tầng trách nhiệm và thẩm quyền trong tổ chức thực hiện: Trung ương quyết định quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, cơ chế lớn; Bộ Chính trị, Ban Bí thư cụ thể hoá; Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo thể chế hoá và bảo đảm điều kiện thực hiện; các cấp uỷ tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm; cơ quan kiểm tra, giám sát theo dõi việc chấp hành, khắc phục; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, phản biện. Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức phải bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, không được làm mờ chủ thể, tạo thêm tầng nấc trung gian hoặc để khoảng trống trách nhiệm.

Kế hoạch thực hiện phải được nghiên cứu, chuẩn bị đồng thời với quá trình xây dựng Nghị quyết, bảo đảm sau khi Nghị quyết được ban hành có thể tổ chức triển khai thực hiện ngay. Mỗi công việc, nhiệm vụ phải rõ đầu mối, thẩm quyền, nguồn lực, thời hạn, sản phẩm hoặc kết quả cần đạt và phương thức kiểm tra, xác nhận; trường hợp chậm tiến độ hoặc không đạt yêu cầu phải làm rõ nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức. Đối với các cơ chế mới thì thí điểm có kiểm soát, xác định rõ phạm vi, thời gian, tiêu chí đánh giá. Công tác kiểm tra cần tập trung vào chuyển biến thực chất, không chỉ đánh giá bằng đếm số lượng hội nghị, văn bản, quy trình, hồ sơ, các chỉ tiêu, số liệu cụ thể, mà cần chú trọng đánh giá chất lượng quyết sách, khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự sửa chữa và niềm tin của Nhân dân.

5. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm đúng tầm, đồng bộ và khả thi

Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp thu đầy đủ các ý kiến, khẩn trương hoàn thiện Đề án, Báo cáo sơ

kết, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và Kế hoạch thực hiện để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến trước khi trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Báo cáo phải nâng cao chất lượng phân tích, đánh giá; khắc phục tình trạng chủ yếu mô tả, liệt kê, tăng cường làm rõ bản chất, nguyên nhân, tác động và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn; làm rõ hạn chế do tổ chức thực hiện chưa nghiêm, chưa hiệu quả, bất cập của cơ chế, chính sách, vấn đề mới và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Dự thảo Nghị quyết phải được tiếp tục rà soát, tập trung những vấn đề lớn, quan trọng mà Trung ương cần quyết định; tránh trùng lặp, dàn trải hoặc nhắc lại các vấn đề đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết khác. Nội dung Nghị quyết cần hướng đến vào việc giải quyết các điểm nghẽn, khâu yếu, những vấn đề mới đặt ra và thiết lập cơ chế chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn. Hồ sơ, dự thảo Nghị quyết và Kế hoạch tổ chức thực hiện phải được rà soát bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với Văn kiện Đại hội XIV và các đề án, nghị quyết trình Hội nghị Trung ương 4. Những vấn đề đã chín, đã rõ, được thực tiễn kiểm nghiệm phải được thể hiện dứt khoát, rõ quan điểm và phương án xử lý; đối với những vấn đề mới, khó, còn có ý kiến khác nhau hoặc có tác động lớn, cần tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng, xây dựng các phương án, đánh giá đầy đủ tác động và báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền. Tiến độ khẩn trương, nhưng chất lượng và khả năng thực hiện phải đặt lên hàng đầu.

Văn phòng Trung ương Đảng thông báo đề Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thị Thu Hà

BẢN SAO VĂN BẢN

Cơ quan sao: **VĂN PHÒNG TỈNH ỦY**

Số, ký hiệu bản sao: 190-BS/VPTU

Hình thức sao: Sao y

Địa danh và ngày tháng sao: Lai Châu, ngày 08/9/2026

Nơi nhận bản sao:

- Các ban đảng tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc tỉnh.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Đức Thắng